



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư
Dragon Capital Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 01/GPĐT-UBCKNN ngày 15 tháng 7 năm 2003

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

179/QĐ-UBCK	ngày 18 tháng 8 năm 2003
58/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 3 năm 2005
766/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 12 năm 2006
253/QĐ-UBCK	ngày 5 tháng 4 năm 2007
16/UBCK-GP	ngày 23 tháng 6 năm 2008
45/UBCK-GP	ngày 8 tháng 1 năm 2009
63/UBCK-GP	ngày 24 tháng 2 năm 2010
73/UBCK-GP	ngày 24 tháng 6 năm 2010
79/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2010
361/QĐ-UBCK	ngày 18 tháng 4 năm 2012
36/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 5 năm 2012
17/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 6 năm 2013
06/GPĐC-UBCK	ngày 30 tháng 1 năm 2019
88/GPĐC-UBCK	ngày 30 tháng 12 năm 2020
39/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 6 năm 2021
37/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 5 năm 2024

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Hội đồng Quản trị

Ông Dominic Timothy Charles Scriven	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Tân	Phó Chủ tịch
Ông Beat Schurch	Thành viên
Ông Lê Anh Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene)	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Beat Schurch	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Ủy Ban Kiểm toán

Ông Robert Nicholas Liloyd	Chủ tịch (từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene)	Chủ tịch (đến ngày 18 tháng 4 năm 2025)
	Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)
Ông Lê Anh Minh	Thành viên

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2025





Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-01-00477-25-1



Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2025

42-06
NHÂN
TY T
PMG
Ở HỒ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B01a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		836.949.079.107	843.132.187.332
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	271.067.118.900	258.593.484.498
Tiền	111		11.067.118.900	8.593.484.498
Các khoản tương đương tiền	112		260.000.000.000	250.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	451.975.422.161	453.591.922.161
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	121		459.375.410.948	459.375.410.948
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(7.399.988.787)	(5.783.488.787)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.046.524.905	114.315.084.093
Trả trước cho người bán	132		576.099.206	1.270.176.538
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	98.220.576.383	112.180.057.175
Phải thu ngắn hạn khác	135	7(a)	249.849.316	864.850.380
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.860.013.141	16.631.696.580
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	14.860.013.141	16.631.696.580
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		205.346.033.112	222.484.613.920
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.545.424.692	8.156.383.720
Phải thu dài hạn khác	218	7(b)	8.545.424.692	8.156.383.720
Tài sản cố định	220		165.676.607.369	171.362.471.011
Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.942.281.372	4.595.141.307
Nguyên giá	222		24.815.189.082	22.897.988.082
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.872.907.710)	(18.302.846.775)
Tài sản cố định vô hình	227	9	142.414.701.072	157.613.078.827
Nguyên giá	228		227.487.821.997	220.990.945.306
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.073.120.925)	(63.377.866.479)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	18.319.624.925	9.154.250.877
Tài sản dài hạn khác	260		31.124.001.051	42.965.759.189
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	8.850.189.270	13.429.531.217
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	12	22.273.811.781	29.536.227.972
Tài sản dài hạn khác	268	13	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.042.295.112.219	1.065.616.801.252

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		142.301.974.294	221.075.256.105
Nợ ngắn hạn	310		142.301.974.294	221.075.256.105
Phải trả người bán ngắn hạn	312	14	4.887.482.265	19.011.197.845
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	29.398.554.117	58.166.890.623
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	16	101.368.784.304	137.680.865.262
Phải trả ngắn hạn khác	319		6.647.153.608	6.216.302.375
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		899.993.137.925	844.541.545.147
Vốn cổ phần	411	17	312.011.430.000	312.011.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.963.180.000	6.963.180.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		17.754.075.939	17.754.075.939
Lợi nhuận chưa phân phối	420		563.264.451.986	507.812.859.208
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.042.295.112.219	1.065.616.801.252

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Ngoại tệ các loại	005	18	1.805.287.952	2.689.926.831
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	19	44.425.932.145	40.102.524.581
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		44.425.932.145	40.102.524.581
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	20	666.115.491.998	580.999.435.528
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		666.115.491.998	580.999.435.528
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	21	112.555.180.621	52.457.773.054
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	22	1.216.315.582	1.106.148.269

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Nguyễn Ngọc Hiệp
 Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B02a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	23	480.388.178.699	544.776.511.401
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	8.772.086.715	86.778.204.384
Chi phí tài chính	22	25	2.193.222.855	(335.128.705)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	417.113.511.836	458.410.395.737
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 22 - 25)	30		69.853.530.723	173.479.448.753
Thu nhập khác	31		11.441.000	-
Lợi nhuận khác (40 = 31)	40		11.441.000	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		69.864.971.723	173.479.448.753
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	7.150.962.754	38.737.043.452
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	27	7.262.416.191	(2.835.619.744)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		55.451.592.778	137.578.025.045
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.777	4.412

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Nguyễn Ngọc Hiệp
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ và doanh thu khác	01	494.347.659.491	541.535.583.173
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(137.561.711.019)	(125.382.277.779)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(200.009.404.485)	(208.564.862.851)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(27.328.687.079)	(29.867.093.681)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.616.912.411	9.585.417.428
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(111.018.553.498)	(104.112.036.257)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.046.215.821	83.194.730.033
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(14.965.156.815)	(30.850.855.676)
Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ	24	-	38.623.080.000
Tiền thu từ thanh lý chứng chỉ quỹ	26	-	484.930.859.503
Tiền thu từ lãi và cổ tức	27	5.346.066.815	5.167.409.780
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.619.090.000)	497.870.493.607
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	592.000.000
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(93.425.829.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(92.833.829.000)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	12.427.125.821	488.231.394.640
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	258.593.484.498	175.182.514.811
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	46.508.581	20.839.019
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	271.067.118.900	663.434.748.470

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Ông Nguyễn Ngọc Hiệp
Kế toán trưởng

Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B05a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	312.011.430.000	6.963.180.000	-	17.754.075.939	507.812.859.208	844.541.545.147
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	55.451.592.778	55.451.592.778
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	312.011.430.000	6.963.180.000	-	17.754.075.939	563.264.451.986	899.993.137.925
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	311.419.430.000	6.963.180.000	25.792.349.257	17.754.075.939	460.208.832.165	822.137.867.361
Phát hành cổ phiếu	592.000.000	-	-	-	-	592.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	137.578.025.045	137.578.025.045
Chia cổ tức	-	-	-	-	(93.425.829.000)	(93.425.829.000)
Hoàn nhập quỹ dự phòng tài chính	-	-	(25.792.349.257)	-	25.792.349.257	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(7.855.978.000)	(7.855.978.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	312.011.430.000	6.963.180.000	-	17.754.075.939	522.297.399.467	859.026.085.406

Người lập:


 Ông Nguyễn Hữu Tuấn
 Kế toán tổng hợp

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

Người duyệt:




 Ông Beat Schurch
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 01/GPĐT-UBCKNN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNNVN”) cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003. Giấy phép Đầu tư/Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 8 tháng 1 năm 2009 là ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 312.011 triệu VND (31/12/2024: 312.011 triệu VND).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc và nhân sự của Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và một (1) Chi nhánh tại Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 206 nhân viên (31/12/2024: 209 nhân viên), trong đó có 55 nhân viên (31/12/2024: 58 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ này, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi nhận các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào, bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin và phí ngân hàng (nếu có). Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thực tế trên thị trường thấp hơn giá hạch toán trên sổ sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”) và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 7 tháng 4 năm 2022 (“Thông tư 24”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCOM và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, giá thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất đến ngày kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày kết thúc kỳ kế toán thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với chứng chỉ quỹ mở, giá thực tế trên thị trường là giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quỹ công bố.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch trên UPCOM, Công ty xác định dự phòng rủi ro cho từng chứng khoán bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành và trái phiếu doanh nghiệp giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc tham khảo tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỷ lệ trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 - 8 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 8 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho tài sản cố định vô hình chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Thuế thu nhập

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo hướng dẫn của Thông tư 114, số dư còn lại có thể được sử dụng như sau:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định của Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định pháp lý có liên quan khác. Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ này tại ngày 30 tháng 6 năm 2025.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc được sử dụng theo quyết định của cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định pháp lý tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định có liên quan khác. Trong năm 2024, Công ty đã chuyển số dư hiện có của quỹ dự phòng tài chính sang lợi nhuận chưa phân phối theo Quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán và quỹ hưu trí, phí mua lại và phí phát hành chứng chỉ quỹ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Tài sản được nắm giữ theo hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không chịu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là tài sản thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông lớn và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng các số liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh cho kỳ trước được bao gồm như một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và chỉ nhằm mục đích đọc liên quan đến các số liệu và các thuyết minh khác liên quan đến kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc lưu chuyển tiền tệ của kỳ trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Tiền mặt	56.502.671	89.917.592
Tiền gửi ngân hàng	11.010.616.229	8.503.566.906
Các khoản tương đương tiền (*)	260.000.000.000	250.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	271.067.118.900	258.593.484.498

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và được hưởng lãi suất năm từ 4,00% đến 4,70% tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (31/12/2024: 4,75%).

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh (a)	459.375.410.948	459.375.410.948
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (b)	(7.399.988.787)	(5.783.488.787)
	<hr/>	<hr/>
	451.975.422.161	453.591.922.161

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh	30/6/2025			31/12/2024				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết								
▪ DCDS	2.850.776,17	226.000.000.000	252.801.870.405	-	2.850.776,17	226.000.000.000	232.166.270.529	-
Chứng chỉ quỹ niêm yết								
▪ FUEDCMID (*)	11.050.000	115.430.467.498	134.810.000.000	-	11.050.000	115.430.467.498	132.600.000.000	-
▪ FUEVFNVD	3.050.000	102.289.303.450	100.619.500.000	(1.669.803.450)	3.050.000	102.289.303.450	102.236.000.000	(53.303.450)
Cổ phiếu chưa niêm yết								
▪ THA	655.200	15.655.640.000	9.925.454.663	(5.730.185.337)	655.200	15.655.640.000	9.925.454.663	(5.730.185.337)
		459.375.410.948	498.156.825.068	(7.399.988.787)		459.375.410.948	476.927.725.192	(5.783.488.787)

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 38,24% (31/12/2024: 36,23%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của FUEDCMID.

Công ty không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của FUEDCMID. Theo đó, Công ty không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến quỹ mà chỉ nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn. Do đó, các khoản đầu tư của Công ty vào FUEDCMID được ghi nhận như chứng khoán kinh doanh theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(c)(i).

HỒ
 KPM
 IGTY
 NH
 2042
 HỒ
 CAP
 NAM
 QUÝ Đ
 PHÂN
 IGTY
 HỒ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	5.783.488.787	6.339.292.045
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 25)	1.616.500.000	(609.106.708)
Số dư cuối kỳ	7.399.988.787	5.730.185.337

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán cho Dragon Capital Management (HK) Limited - một bên liên quan (Thuyết minh 28) (i)	71.010.410.316	84.188.504.298
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ - các bên liên quan (Thuyết minh 28) (i)	25.993.850.485	26.885.404.608
<i>Trong đó:</i>		
▪ Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“FUEVFNVD”)	7.384.313.431	8.443.362.273
▪ Quỹ ETF DCVFMVN30 (“E1VFVN30”)	3.127.469.265	3.735.243.258
▪ Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc (“VFMVSF”)	5.315.488.472	4.871.286.992
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Năng động DC (“DCDS”)	5.534.382.794	5.118.507.896
▪ Quỹ đầu tư Trái phiếu DC (“DCBF”)	1.677.624.046	2.055.724.235
▪ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức DC (“DCDE”)	1.034.005.650	1.030.786.697
▪ Quỹ đầu tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Cố định DC (“DCIP”)	1.339.686.059	1.074.647.304
▪ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP (“FUEDCMID”)	225.354.102	243.350.602
▪ Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện Phúc An (“PHUCAN”)	64.796.256	55.262.125
▪ Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện Thịnh An (“THINHAN”)	120.600.727	107.280.892
▪ Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện Vĩnh An (“VINHAN”)	170.129.683	149.952.334
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư ủy thác trong nước	1.216.315.582	1.106.148.269
	98.220.576.383	112.180.057.175

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản phải thu từ các bên liên quan về hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý quỹ không có bảo đảm, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	226.849.316	481.506.848
Tạm ứng cho nhân viên	23.000.000	-
Phải thu khác	-	383.343.532
	<hr/>	<hr/>
	249.849.316	864.850.380
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	7.369.666.020	7.369.648.020
Tiền đặt cọc thuê nhà	852.272.472	570.225.700
Phải thu khác	323.486.200	216.510.000
	<hr/>	<hr/>
	8.545.424.692	8.156.383.720
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	13.416.415.182	9.481.572.900	22.897.988.082
Tăng trong kỳ	1.917.201.000	-	1.917.201.000
Số dư cuối kỳ	15.333.616.182	9.481.572.900	24.815.189.082
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	12.376.863.712	5.925.983.063	18.302.846.775
Khấu hao trong kỳ	779.929.860	790.131.075	1.570.060.935
Số dư cuối kỳ	13.156.793.572	6.716.114.138	19.872.907.710
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.039.551.470	3.555.589.837	4.595.141.307
Số dư cuối kỳ	2.176.822.610	2.765.458.762	4.942.281.372
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024			
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	13.416.415.182	9.481.572.900	22.897.988.082
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	10.913.287.818	4.345.720.913	15.259.008.731
Khấu hao trong kỳ	790.131.075	840.004.562	1.630.135.637
Số dư cuối kỳ	11.703.418.893	5.185.725.475	16.889.144.368
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	2.503.127.364	5.135.851.987	7.638.979.351
Số dư cuối kỳ	1.712.996.289	4.295.847.425	6.008.843.714

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 9.929.930.682 VND (31/12/2024: 8.967.482.298 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	220.990.945.306	157.624.983.794
Tăng trong kỳ	29.471.400	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	6.467.405.291	4.517.172.638
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	227.487.821.997	162.142.156.432
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	63.377.866.479	31.705.458.371
Khấu hao trong kỳ	21.695.254.446	15.318.027.836
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	85.073.120.925	47.023.486.207
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	157.613.078.827	125.919.525.423
Số dư cuối kỳ	142.414.701.072	115.118.670.225

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản cố nguyên giá là 14.128.298.596 VND (31/12/2024: 8.854.898.596 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	9.154.250.877	9.287.161.320
Tăng trong kỳ	15.632.779.339	30.850.855.676
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 9)	(6.467.405.291)	(4.517.172.638)
Số dư cuối kỳ	18.319.624.925	35.620.844.358

Chi tiết của xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Phần mềm giao dịch đầu tư (“DragonX”)	7.228.185.806	164.022.330
Phần mềm quản lý dữ liệu doanh nghiệp (“IRIS”)	4.350.433.092	-
Phần mềm quản lý dữ liệu khách hàng toàn diện (“CRM”)	3.426.228.275	3.389.076.275
Phần mềm quản lý thuế giao dịch chứng chỉ quỹ (“Pension”)	3.001.873.193	-
Phần mềm quản lý đầu tư - Dịch vụ quản lý tài sản (“AMS”)	312.904.559	159.004.559
Phần mềm quản lý nội dung số (“CMS”)	-	3.713.121.397
Phần mềm quản lý chứng chỉ quỹ (“FNZ”)	-	1.729.026.316
Số dư cuối kỳ	18.319.624.925	9.154.250.877

11. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí tiện ích và công cụ, dụng cụ	10.888.242.711	9.280.580.724
Chi phí thuê nhà và thuê văn phòng	1.126.797.242	1.089.923.183
Chi phí quảng cáo	732.639.575	4.058.796.151
Chi phí bảo hiểm	74.240.894	169.418.671
Chi phí trả trước khác	2.038.092.719	2.032.977.851
Số dư cuối kỳ	14.860.013.141	16.631.696.580

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	9.181.272.094	4.248.259.123	13.429.531.217
Tăng trong kỳ	762.956.382	21.190.000	784.146.382
Phân bổ trong kỳ	(2.213.250.056)	(3.150.238.273)	(5.363.488.329)
Số dư cuối kỳ	7.730.978.420	1.119.210.850	8.850.189.270
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	11.272.943.344	10.290.485.221	21.563.428.565
Tăng trong kỳ	1.546.219.449	207.290.160	1.753.509.609
Phân bổ trong kỳ	(3.628.183.564)	(3.930.627.191)	(7.558.810.755)
Số dư cuối kỳ	9.190.979.229	6.567.148.190	15.758.127.419

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Thuế suất	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho:</i>			
Chi phí phải trả và dự phòng	20%	22.273.811.781	29.536.227.972

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác có số tiền gốc là 10 tỷ VND liên quan đến việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ ngày 19 tháng 1 năm 2018 giữa Công ty và Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (“VFMVF2”).

Theo đó, Công ty nhận chuyển giao từ VFMVF2 quyền và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 2407/HĐKT-M&C mà VFMVF2 đã ký với Công ty Cổ phần M&C (“M&C”) vào ngày 8 tháng 11 năm 2007 (“Hợp đồng 2407”) về việc cùng đầu tư xây dựng Dự án Cao ốc Sài Gòn M&C ở tại số 34 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh (“Dự án”) do Công ty Cổ phần Sài Gòn One Tower (trước đây là Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn M&C - là công ty con của Công ty Cổ phần M&C tại ngày ký Hợp đồng 2407) là chủ đầu tư.

Theo Hợp đồng 2407, VFMVF2 góp vốn đầu tư xây dựng Dự án bằng tiền để nhận lại kết quả đầu tư là diện tích sàn căn hộ dự án sau khi Dự án được hoàn tất. Dự án đã tạm ngưng thi công từ năm 2011 và đang được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) thu giữ nhằm mục đích xử lý, thu hồi nợ của các tổ chức có liên quan. Theo đó, Công ty không ghi nhận phần chia phát sinh từ hoạt động đồng kiểm soát tài sản theo Hợp đồng 2407.

Theo Nghị quyết số 06/VF2-2017/NQĐH của Đại hội Nhà đầu tư thường niên của VFMVF2 ngày 14 tháng 12 năm 2017, sau khi giải thể VFMVF2, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục khởi kiện M&C ra tòa án do vi phạm hợp đồng hoặc chuyển nhượng lại tài sản này cho bên thứ ba. Trong trường hợp số tiền thanh toán từ bên thứ ba hoặc khoản tiền bồi thường mà Công ty nhận được từ M&C cao hơn 10.000 triệu VND, Công ty sẽ chi trả phần chênh lệch cho các thành viên góp vốn của VFMVF2 theo tỷ lệ sở hữu của mỗi thành viên này sau khi trừ đi chi phí chuyển nhượng, khởi kiện hoặc thu hồi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi và trích lập 100% (31/12/2024: 100%) dự phòng đối với tài sản này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2025	31/12/2024
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phát triển Hệ thống Sharpensols	2.614.294.924	-
Công ty Cổ phần VCCorp	820.896.120	3.490.578.178
Công ty Cổ phần Clickmedia	-	11.040.576.190
Các nhà cung cấp khác	1.452.291.221	4.480.043.477
	4.887.482.265	19.011.197.845

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2024	Số phát sinh	Số đã nộp/cán	30/6/2025
	VND	trong kỳ	trừ trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.624.198.447	7.150.962.754	(27.328.687.079)	21.446.474.122
Thuế thu nhập cá nhân	16.047.434.037	89.779.347.752	(98.172.303.258)	7.654.478.531
Thuế nhà thầu nước ngoài	495.258.139	3.037.529.940	(3.235.186.615)	297.601.464
	58.166.890.623	99.967.840.446	(128.736.176.952)	29.398.554.117

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Thưởng theo thành tích cho nhân viên	56.023.811.025	116.624.356.500
Lương tháng 13	13.375.469.514	-
Phí giới thiệu khách hàng	11.180.346.700	10.572.136.566
Phí tư vấn	8.433.645.680	5.867.847.503
Phụ cấp cho nhân viên	8.137.500.000	-
Phí dịch vụ chuyên môn	370.440.000	317.900.000
Chi phí khác	3.847.571.385	4.298.624.693
	101.368.784.304	137.680.865.262

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2025		31/12/2024	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Vốn cổ phần được duyệt	31.201.143	312.011.430.000	31.201.143	312.011.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu phổ thông	31.201.143	312.011.430.000	31.201.143	312.011.430.000

Cơ cấu cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Phần trăm vốn chủ sở hữu (%)
Cổ phiếu đang lưu hành – Cổ phiếu phổ thông			
▪ Dragon Capital Markets (Europe) Limited	14.977.341	149.773.410.000	48,00
▪ Dragon Capital Management (HK) Limited	12.894.602	128.946.020.000	41,33
▪ DRE SPC	1.500.000	15.000.000.000	4,81
▪ Nhân viên của Công ty	1.829.200	18.292.000.000	5,86
	31.201.143	312.011.430.000	100,00

Dragon Capital Markets (Europe) Limited và Dragon Capital Management (HK) Limited được thành lập lần lượt tại Vương Quốc Anh và Hồng Kông.

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu có quyền biểu quyết một lần tại các cuộc họp của các cổ đông của Công ty. Cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tùy từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông được xếp hạng như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	312.011.430.000	311.419.430.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	592.000.000
Số dư cuối kỳ	312.011.430.000	312.011.430.000

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Trong vòng một năm	32.438.666.614	26.267.182.148
Trong vòng hai đến năm năm	85.612.761.584	68.347.971.634
	118.051.428.198	94.615.153.782

(b) Ngoại tệ

	30/6/2025		31/12/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	69.729	1.805.287.953	106.530	2.689.926.831

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

19. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác sau:

	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Nhà đầu tư đứng tên		
D001 (i)	37.702.579.413	26.160.921.168
D002 (ii)	216.323.531	54.985.636
D003 (iii)	-	39.603.154
D004 (iv)	2.622.638.775	9.618.771.663
D005 (v)	1.131.394.337	4.228.242.960
D006 (vi)	1.824.125.845	-
D007 (vii)	928.870.244	-
	44.425.932.145	40.102.524.581

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong kỳ của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) D001

	Kỳ sáu tháng	Kỳ sáu tháng
	kết thúc ngày	kết thúc ngày
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	26.160.921.168	8.691.642.188
Tăng trong kỳ	1.025.990.810.196	304.905.063.505
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	<i>77.625.258.200</i>	<i>35.978.020.500</i>
<i>Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	<i>937.347.347.420</i>	<i>261.830.100.539</i>
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	<i>162.246.576</i>	<i>69.342.466</i>
<i>Tiền cổ tức nhận được</i>	<i>855.958.000</i>	<i>2.027.600.000</i>
Giảm trong kỳ	(1.014.449.151.951)	(299.609.924.876)
<i>Gửi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>(30.000.000.000)</i>	<i>(5.000.000.000)</i>
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	<i>(978.594.969.579)</i>	<i>(291.202.785.705)</i>
<i>Nhà đầu tư ủy thác rút tiền</i>	<i>(1.380.182.300)</i>	<i>(819.492.700)</i>
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	<i>(4.474.000.072)</i>	<i>(2.587.646.471)</i>
	37.702.579.413	13.986.780.817

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) D002

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	54.985.636	239.094.331
Tăng trong kỳ	2.416.780.626	837.865.919
<i>Tiền thu từ bán trái phiếu</i>	2.416.666.667	833.333.335
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	113.959	164.876
<i>Tăng khác</i>	-	4.367.708
Giảm trong kỳ	(2.255.442.731)	(873.583.583)
<i>Nhà đầu tư ủy thác rút tiền</i>	(2.230.000.000)	(842.000.000)
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	(24.748.298)	(10.182.352)
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(628.433)	(20.985.231)
<i>Giảm khác</i>	(66.000)	(416.000)
Số dư cuối kỳ	216.323.531	203.376.667

(iii) D003

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	39.603.154	64.266.835
Tăng trong kỳ	-	129.319.054.964
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	7.977.907.100
<i>Tiền thu từ bán trái phiếu</i>	-	54.830.696.995
<i>Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	-	61.450.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	-	5.060.450.869
Giảm trong kỳ	(39.603.154)	(129.127.292.007)
<i>Nhà đầu tư ủy thác rút tiền</i>	(39.603.154)	-
<i>Gửi tiền gửi có kỳ hạn</i>	-	(62.860.000.000)
<i>Tiền chi mua trái phiếu</i>	-	(41.391.276.630)
<i>Tiền chi mua chứng chỉ quỹ</i>	-	(24.102.671.580)
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	-	(773.343.797)
Số dư cuối kỳ	-	256.029.792

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iv) D004

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	9.618.771.663	-
Tăng trong kỳ	392.272.064.345	209.091.301.039
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>70.000.000.000</i>
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	<i>362.056.948.600</i>	<i>138.690.060.900</i>
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	<i>25.489.875</i>	<i>12.026.939</i>
<i>Tiền cổ tức nhận được</i>	<i>189.593.000</i>	<i>389.213.200</i>
<i>Tăng khác</i>	<i>32.870</i>	-
Giảm trong kỳ	(399.268.197.233)	(198.808.123.938)
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	<i>(397.248.118.000)</i>	<i>(198.026.494.900)</i>
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	<i>(987.011.735)</i>	<i>(505.074.852)</i>
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	<i>(521.683.510)</i>	<i>(87.818.468)</i>
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	<i>(121.015.891)</i>	<i>(30.584.997)</i>
<i>Tiền chi trả thuế</i>	<i>(390.368.097)</i>	<i>(158.150.721)</i>
Số dư cuối kỳ	2.622.638.775	10.283.177.101

(v) D005

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	4.228.242.960	-
Tăng trong kỳ	196.365.421.446	-
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	<i>196.249.739.200</i>	-
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	<i>2.682.246</i>	-
<i>Tăng khác</i>	<i>113.000.000</i>	-
Giảm trong kỳ	(199.462.270.069)	-
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	<i>(198.295.737.000)</i>	-
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	<i>(512.860.355)</i>	-
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	<i>(340.475.674)</i>	-
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	<i>(105.443.601)</i>	-
<i>Tiền chi trả thuế</i>	<i>(206.486.239)</i>	-
<i>Giảm khác</i>	<i>(1.267.200)</i>	-
Số dư cuối kỳ	1.131.394.337	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(vi) D006

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	375.061.625.004	-
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	374.837.688.750	-
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	4.365.604	-
<i>Tiền cổ tức nhận được</i>	219.570.650	-
Giảm trong kỳ	(373.237.499.159)	-
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	(371.731.774.000)	-
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	(863.032.220)	-
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(176.312.730)	-
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	(86.834.615)	-
<i>Tiền chi trả thuế</i>	(378.508.188)	-
<i>Giảm khác</i>	(1.037.406)	-
Số dư cuối kỳ	1.824.125.845	-

(vii) D007

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	220.572.340.717	-
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	50.000.000.000	-
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	170.491.754.400	-
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	2.657.817	-
<i>Tiền cổ tức nhận được</i>	77.928.500	-
Giảm trong kỳ	(219.643.470.473)	-
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	(218.654.457.000)	-
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	(505.837.486)	-
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(226.984.693)	-
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	(82.734.439)	-
<i>Tiền chi trả thuế</i>	(172.377.755)	-
<i>Giảm khác</i>	(1.079.100)	-
Số dư cuối kỳ	928.870.244	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

20. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2025	31/12/2024
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Cổ phiếu niêm yết	638.807.684.393	357.643.185.231
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.307.807.605	25.342.990.536
Trái phiếu niêm yết	-	102.690.198.660
Trái phiếu chưa niêm yết	-	28.173.061.101
Tiền gửi có kỳ hạn	25.000.000.000	44.150.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	23.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	666.115.491.998	580.999.435.528
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiết danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác và do các nhà đầu tư này đứng tên như sau:

Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	30/6/2025		31/12/2024				
			Giá thị trường VND	Dự phòng giá giảm giá VND	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giá giảm giá VND		
Cổ phiếu niêm yết									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	1.265.300	51.243.000.364	59.089.510.000	-	485.900	15.974.454.371	17.929.710.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	TCB	1.664.100	49.191.904.004	56.912.220.000	-	665.400	14.815.017.633	16.402.110.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	725.200	44.658.483.711	47.500.600.000	-	492.200	28.203.562.988	30.024.200.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	CTG	1.101.400	43.260.053.601	46.148.660.000	-	705.000	24.089.360.763	26.649.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	629.900	42.914.533.008	48.313.330.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	1.425.320	31.395.921.001	32.354.764.000	-	683.400	17.977.309.197	18.212.610.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB	1.093.100	28.234.182.825	28.201.980.000	(32.202.825)	140.800	3.418.288.901	3.534.080.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thế Giới Số	DGW	486.800	19.121.248.387	21.419.200.000	-	-	-	-	-
▪ Tập đoàn VINGROUP – Công ty Cổ phần	VIC	204.000	18.165.435.223	19.502.400.000	-	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	EIB	841.800	18.103.461.512	19.235.130.000	-	43.600	861.100.000	841.480.000	(19.620.000)
▪ Công ty Cổ phần FPT	FPT	160.308	17.502.043.396	18.948.405.600	-	338.688	37.071.503.883	51.649.920.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HDG	710.580	16.540.596.898	18.013.203.000	-	94.800	2.798.793.417	2.701.800.000	(96.993.417)
▪ Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	SZC	394.200	14.230.972.569	15.117.570.000	-	267.000	11.207.750.378	11.320.800.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	DXG	933.167	14.213.542.500	15.770.522.300	-	228.000	3.763.547.600	3.556.800.000	(206.747.600)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	HHS	952.300	13.330.429.701	14.522.575.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	DCM	371.400	12.620.977.865	12.516.180.000	(104.797.865)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	VND	713.100	11.726.522.951	12.265.320.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	DGC	98.100	9.555.773.131	9.976.770.000	-	111.680	12.203.057.402	13.021.888.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL	636.500	8.848.573.085	9.642.975.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	DBC	287.200	8.495.951.021	9.764.800.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecccons	CTD	100.300	8.474.729.232	8.575.650.000	-	121.800	8.256.478.290	8.367.660.000	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	VCG	398.844	8.286.457.975	8.794.510.200	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	CEO	456.500	8.266.819.613	8.171.350.000	(95.469.613)	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty IDICO - CTCP	IDC	186.800	8.151.692.567	8.256.560.000	-	88.000	4.605.704.053	4.901.600.000	-

Công ty Cổ phần Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên (tiếp theo)	30/6/2025					31/12/2024				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	MSN	114.400	7.943.408.000	8.785.920.000	-	20.000	1.493.016.141	1.400.000.000	(93.016.141)	
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	HVN	228.800	7.934.810.256	8.671.520.000	-	246.800	6.548.212.877	7.070.820.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR	438.200	7.930.592.500	7.909.510.000	(21.082.500)	261.600	5.469.709.780	5.415.120.000	(54.589.780)	
▪ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	DPM	208.200	7.904.876.000	8.015.700.000	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	HDC	294.900	7.533.104.625	7.593.675.000	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	VIX	583.185	7.337.288.077	7.435.608.750	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH	352.200	7.081.172.977	7.044.000.000	(37.172.977)	248.600	4.055.327.308	3.766.290.000	(289.037.308)	
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	GEX	245.520	6.956.793.532	9.182.448.000	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	FRT	38.000	6.356.939.498	6.809.600.000	-	82.780	13.407.886.952	15.363.968.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	DXS	723.700	6.352.739.547	6.448.167.000	-	594.300	4.400.515.462	4.278.960.000	(121.555.462)	
▪ Công ty Cổ phần GEMADEPT	GMD	108.300	6.345.969.716	6.270.570.000	(75.399.716)	171.400	10.966.801.169	11.175.280.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	77.600	6.294.928.957	6.448.560.000	-	74.680	6.934.766.638	7.311.172.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	REE	91.157	5.542.442.003	6.207.791.700	-	47.300	3.107.005.413	3.211.670.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HSG	280.000	4.617.036.460	4.648.000.000	-	212.280	3.980.779.958	3.916.566.000	(64.213.958)	
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	CTI	169.000	4.241.435.000	4.132.050.000	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Vincom Retail	VRE	168.000	4.056.545.274	4.141.200.000	-	-	-	-	-	
▪ Tổng Công ty Viglacera	VGC	89.600	4.036.360.000	4.027.520.000	(8.840.000)	43.400	1.906.245.000	1.950.830.000	-	
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	200.000	3.740.666.635	3.700.000.000	(40.666.635)	710.400	14.145.290.568	13.639.680.000	(505.610.568)	
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam	BID	100.000	3.634.229.079	3.630.000.000	(4.229.079)	10.000	381.792.068	375.500.000	(6.292.068)	
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PVS	94.000	3.360.500.000	3.092.600.000	(267.900.000)	78.000	2.951.371.916	2.644.200.000	(307.171.916)	
▪ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	GEG	191.000	3.218.350.000	3.084.650.000	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	DPG	80.000	2.854.054.325	3.472.000.000	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Etcom	ELC	91.600	2.365.691.698	2.088.480.000	(277.211.698)	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	TV2	58.000	2.080.619.651	2.172.100.000	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiên Phong	NTP	25.320	1.642.060.000	1.658.460.000	-	-	-	-	-	

CHÍNH THỨC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo) Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên (tiếp theo)	30/6/2025				31/12/2024				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
▪ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội	MIG	41.658	693.605.700	724.849.200	-	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	10.200	218.158.743	217.260.000	(898.743)	368.000	9.020.208.415	9.494.400.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH	-	-	-	-	324.480	11.236.727.447	11.713.728.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	VIB	-	-	-	-	521.600	9.832.004.516	10.275.520.000	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	CTR	-	-	-	-	61.500	7.620.876.041	7.656.750.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	SIP	-	-	-	-	71.980	6.023.390.528	5.981.538.000	(41.852.528)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	HAH	-	-	-	-	110.800	5.266.025.234	5.484.600.000	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	-	-	-	-	183.680	4.730.434.547	4.784.864.000	-
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP	KBC	-	-	-	-	164.800	4.632.320.300	4.482.560.000	(149.760.300)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	CMG	-	-	-	-	88.280	4.461.053.475	4.347.790.000	(113.263.475)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	VDS	-	-	-	-	214.800	4.334.425.007	4.489.320.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP. Hồ Chí Minh	HDB	-	-	-	-	181.360	3.915.028.286	4.624.680.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	VHC	-	-	-	-	49.100	3.586.935.645	3.461.550.000	(125.385.645)
▪ Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức VG PIPE	VGS	-	-	-	-	100.000	3.195.613.213	3.130.000.000	(65.613.213)
▪ Công ty Cổ phần Tổng Công ty Nước và Môi trường Bình Dương	BWE	-	-	-	-	60.600	2.840.501.433	2.878.500.000	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	VCI	-	-	-	-	70.000	2.365.691.539	2.324.000.000	(41.691.539)
▪ Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	CSV	-	-	-	-	42.000	1.889.008.434	1.919.400.000	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	MBS	-	-	-	-	63.600	1.779.782.081	1.818.960.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	BAF	-	-	-	-	61.600	1.545.232.664	1.730.960.000	-
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	NTL	-	-	-	-	70.600	1.354.406.086	1.295.510.000	(58.896.086)
▪ Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	PVD	-	-	-	-	27.300	658.360.214	638.820.000	(19.540.214)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	-	-	-	-	16.800	606.275.000	614.040.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	PAN	-	-	-	-	20.000	453.119.565	475.000.000	-



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	30/6/2025				31/12/2024				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo) Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên (tiếp theo)									
▪ Công ty Cổ phần Lizen	LCG	-	-	-	-	36.800	391.920.000	380.880.000	(11.040.000)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BSI	-	-	-	-	6.800	322.473.264	330.480.000	-
▪ Công ty Cổ phần Long Hậu	LHG	-	-	-	-	7.600	278.740.000	269.800.000	(8.940.000)
▪ Công ty Cổ phần Nam Việt	ANV	-	-	-	-	9.300	191.580.000	184.140.000	(7.440.000)
▪ Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	VTP	-	-	-	-	1.000	116.402.171	136.900.000	-
			638.807.684.393	686.626.424.750	(965.871.651)		357.643.185.231	385.558.404.000	(2.408.271.218)
Cổ phiếu chưa niêm yết Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Ngân hàng TMCP Kiên Long	KLB	127.600	2.307.807.605	2.207.480.000	(100.327.605)	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	VGI	-	-	-	-	75.900	6.703.332.752	6.960.030.000	-
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	MCH	-	-	-	-	27.860	6.483.274.205	7.104.300.000	-
▪ Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	ACV	-	-	-	-	36.400	4.386.563.306	4.582.760.000	-
▪ Tổng Công ty Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam - CTCPC	VEA	-	-	-	-	69.100	2.969.991.660	2.750.180.000	(219.811.660)
▪ Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	QNS	-	-	-	-	47.500	2.419.117.603	2.375.000.000	(44.117.603)
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Việt Nam	TTN	-	-	-	-	100.400	2.130.711.010	2.339.320.000	-
▪ Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCPC	OIL	-	-	-	-	20.000	250.000.000	240.000.000	(10.000.000)
			2.307.807.605	2.207.480.000	(100.327.605)		25.342.990.536	26.351.590.000	(273.929.263)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Trái phiếu niêm yết Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên	30/6/2025					31/12/2024			
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVLH2124002	-	-	-	-	675.000	66.806.183.836	51.969.600.000	(14.836.583.836)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	VNTNG1220171	-	-	-	-	150.000	15.002.398.232	15.260.149.350	-
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	VNHDB1240184	-	-	-	-	88.728	8.882.358.405	8.853.943.437	(28.414.968)
▪ Công ty cổ phần Masan Meatlife	VNMMML1210211	-	-	-	-	70.000	6.999.258.187	7.062.815.900	-
▪ Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần	VNVVIC1230282	-	-	-	-	50.000	5.000.000.000	4.955.760.850	(44.239.150)
							102.690.198.660	88.102.269.537	(14.909.237.954)
Trái phiếu chưa niêm yết Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	VN0KDH122027	-	-	-	-	150	15.171.175.142	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	VN0KDH121011	-	-	-	-	13	13.001.885.959	Chưa xác định	Chưa xác định
							28.173.061.101		



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tiền gửi có kỳ hạn Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên	30/6/2025				31/12/2024				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	3	15.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	4	5.650.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	2	10.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	5	22.350.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	-	-	-	-	6	9.150.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	-	-	-	-	3	7.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
			25.000.000.000				44.150.000.000		
Chứng chỉ tiền gửi Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	HCVN	-	-	-	-	12	12.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VPB SMBC FC	-	-	-	-	11.000	11.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
			-				23.000.000.000		
			666.115.491.998				580.999.435.528		

CHỈ
 1G
 /TINH
 2-007

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mệnh giá của các trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi như sau:

	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
▪ Trái phiếu chưa niêm yết	-	28.000.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	25.000.000.000	44.150.000.000
▪ Chứng chỉ tiền gửi	-	23.000.000.000
	25.000.000.000	95.150.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán chưa niêm yết nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các chứng khoán này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư 125 hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

21. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2025	31/12/2024
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Phải thu trái phiếu đáo hạn	74.448.975.346	23.204.375.347
Phải thu từ bán chứng khoán	37.984.808.013	27.092.291.284
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	121.397.262	990.874.109
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	-	1.170.232.314
	112.555.180.621	52.457.773.054

22. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Phí quản lý danh mục đầu tư	1.216.315.582	1.106.148.269

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	323.739.532.840	391.746.551.503
Phí quản lý		
▪ Hoạt động quản lý quỹ (i)	148.031.400.980	147.695.470.148
▪ Hoạt động quản lý danh mục đầu tư ủy thác (ii)	3.239.922.413	1.642.049.644
Phí mua lại chứng chỉ quỹ (iii)	5.377.322.466	3.692.440.106
	480.388.178.699	544.776.511.401

- (i) Công ty hiện đang quản lý các quỹ DCDS, DCDE, DCBF, DCIP, VFMVFA, VFMVSF, E1VFN30, FUEVFN30 và FUEDCMID là các quỹ đầu tư chứng khoán; VINHAN, PHUCAN và THINHAN là các quỹ hưu trí. Tất cả các quỹ này đều được thành lập tại Việt Nam. Trong đó, VFMVFA đang trong quá trình giải thể. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Loại hình	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng tại ngày 30/6/2025 VND
DCDS	Quỹ mở	▪ Số 05/GCN-UBCK ngày 8 tháng 10 năm 2013 và Số 17/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	3.115.805.083.387
DCDE	Quỹ mở	▪ Số 06/GCN-UBCK ngày 16 tháng 12 năm 2013, Số 15/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021 và Số 364/GCN-UBCK ngày 17 tháng 10 năm 2023	589.968.108.152
DCBF	Quỹ mở	▪ Số 04/GCN-UBCK ngày 10 tháng 6 năm 2013 và Số 16/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	1.614.618.099.242
DCIP	Quỹ mở	▪ Số 36/GCN-UBCK ngày 3 tháng 4 năm 2019 và Số 14/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	1.432.370.723.024
VFMVFA	Quỹ mở	▪ Số 03/UBCK-GCN ngày 18 tháng 4 năm 2013	30.970.678
VFMVSF	Quỹ mở	▪ Số 31/GCN-UBCK ngày 02 tháng 3 năm 2018	8.822.049.375.425
E1VFN30	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 14/GCN-UBCK ngày 18 tháng 9 năm 2014 và Số 06/GCN-UBCK ngày 28 tháng 4 năm 2021	5.952.333.198.513
FUEVFN30	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 43/GCN-UBCK ngày 22 tháng 4 năm 2020 và Số 13/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	11.409.369.089.681
FUEDCMID	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 40/GCN-UBCK ngày 23 tháng 8 năm 2022	359.625.181.389
VINHAN	Quỹ mở	▪ Số 01/GCN-QLQHTBSTN ngày 15 tháng 5 năm 2019	35.586.015.878
PHUCAN	Quỹ mở	▪ và Thông báo số 047/DCVFM/TB-QHTBSTN ngày 26 tháng 1 năm 2021	65.672.463.037
THINHAN	Quỹ mở		108.770.826.429

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Công ty được nhận phí quản lý từ các quỹ DCDS, DCDE, DCBF, DCIP, VFMVSF, FUEVFN30, FUEVFN30, FUEDCMID, VINHAN, PHUCAN, THINHAN như sau:

Quỹ	Phí quản lý
DCDS	1,95% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCDE	1,93% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCBF	1,20% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCIP	1,20% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
VFMVSF	0,75% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
E1VFN30	0,65% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
FUEVFN30	0,80% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
FUEDCMID	0,80% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
VINHAN	1,10% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
PHUCAN	1,30% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
THINHAN	1,50% của giá trị tài sản ròng mỗi năm

- (ii) Công ty đã ký các hợp đồng ủy thác đầu tư với các nhà đầu tư ủy thác, theo đó Công ty được nhận phí quản lý và phí thường hoạt động. Phí thường hoạt động chỉ được nhận nếu các điều kiện nhất định được nêu trong các hợp đồng đầu tư ủy thác được đáp ứng. Không có khoản phí thường hoạt động nào phải thu từ các nhà đầu tư ủy thác cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 vì các điều kiện không được đáp ứng.
- (iii) Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ như sau:

Quỹ	Tổng phí phát hành	Tổng phí mua lại
DCDS	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 1,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCDE	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 1,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCBF	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 1,00% giá trị chứng chỉ quỹ
DCIP	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
VFMVSF	0,00% - 3,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
E1VFN30	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
FUEVFN30	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
FUEDCMID	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
VINHAN	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
PHUCAN	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
THINHAN	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	5.091.409.283	6.100.944.028
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.680.677.432	6.985.193.884
Lãi từ thanh lý chứng chỉ quỹ	-	71.159.079.249
Lãi từ thanh lý trái phiếu	-	2.532.987.223
	8.772.086.715	86.778.204.384

25. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 5(b))	1.616.500.000	(609.106.708)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	360.844.253	79.462.348
Phí ngân hàng	215.878.602	184.859.885
Phí môi giới	-	9.655.770
	2.193.222.855	(335.128.705)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên	263.203.898.219	300.984.067.311
Chi phí thuê văn phòng và các chi phí liên quan	52.638.975.373	50.078.591.801
Chi phí giới thiệu khách hàng	25.663.698.348	23.465.363.750
Khấu hao và phân bổ	23.265.315.381	16.948.163.473
Chi phí quảng cáo	11.860.263.422	6.782.227.977
Chi phí công tác và phí đi lại	7.923.650.552	11.871.386.347
Chi phí thu thập thông tin	7.341.202.746	12.175.749.827
Chi phí đào tạo và hội thảo	7.302.492.777	3.706.289.603
Phí dịch vụ chuyên môn	4.812.565.624	14.665.083.894
Chi phí thuê nhà cho nhân viên nước ngoài	4.359.429.878	4.298.310.164
Chi phí chăm sóc khách hàng	3.806.912.119	4.017.083.565
Chi phí tuyển dụng	1.093.239.018	1.307.944.800
Chi phí tiếp khách	1.052.220.351	1.694.262.612
Chi phí tài trợ	461.000.000	3.794.600.556
Chi phí khác	2.328.648.028	2.621.270.057
	417.113.511.836	458.410.395.737

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Kỳ hiện hành	7.150.962.754	38.737.043.452
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	7.262.416.191	(2.835.619.744)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	14.413.378.945	35.901.423.708

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	69.864.971.723	173.479.448.753
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.972.994.345	34.695.889.751
Chi phí không được khấu trừ thuế	440.384.600	1.205.533.957
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.413.378.945	35.901.423.708

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Các quỹ do Công ty quản lý					
▪ DCDS	Phí quản lý quỹ Phí mua lại chứng chỉ quỹ	27.960.422.231 2.969.742.751	16.920.355.275 2.375.137.545	4.863.834.021 670.548.773	4.673.049.304 445.458.592
▪ DCDE	Phí quản lý quỹ Phí mua lại chứng chỉ quỹ	5.344.951.147 675.363.891	4.574.992.303 540.563.041	922.843.522 111.162.128	913.819.922 116.966.775
▪ DCBF	Phí quản lý quỹ Phí mua lại chứng chỉ quỹ	9.504.967.264 1.732.215.824	5.710.106.451 776.739.520	1.558.832.944 118.791.102	1.650.065.860 405.658.375
▪ DCIP	Phí quản lý quỹ	7.181.446.092	12.397.675.454	1.339.686.059	1.074.647.304
▪ VFMVSF	Phí quản lý quỹ	30.624.475.711	18.664.214.456	5.315.488.472	4.871.286.992
▪ E1VFN30	Phí quản lý quỹ	19.418.511.713	24.624.557.755	3.127.469.265	3.735.243.258
▪ FUEVFNVD	Phí quản lý quỹ	45.394.455.350	63.142.692.489	7.384.313.431	8.443.362.273
▪ FUEDCMID	Phí quản lý quỹ	1.358.826.582	1.061.685.799	225.354.102	243.350.602
▪ VINHAN	Phí quản lý quỹ	170.129.683	44.074.569	170.129.683	149.952.334

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
▪ PHUCAN	Phí quản lý quỹ	368.920.974	183.223.163	64.796.256	55.262.125
▪ THINHAN	Phí quản lý quỹ	704.294.233	371.892.434	120.600.727	107.280.892
Công ty liên quan khác					
▪ Dragon Capital Management (HK) Limited	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	323.739.532.840	391.746.551.503	71.010.410.316	84.188.504.298



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

29. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được tính dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 55.451.592.778 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 137.578.025.045 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 31.201.143 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: 31.184.554 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	55.451.592.778	137.578.025.045

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 Cổ phiếu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	31.201.143	31.141.943
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	42.611
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	31.201.143	31.184.554

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND/cổ phiếu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.777	4.412

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này ở Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ cơ quan thuế này đến cơ quan thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm nộp thuế. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc Công ty tin rằng họ đã xác định đầy đủ nghĩa vụ thuế phải trả dựa trên diễn giải của họ về luật thuế bao gồm các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

31. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác và các khoản phải thu.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Thuyết minh	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	271.010.616.229	258.503.566.906
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	(iii)	98.220.576.383	112.180.057.175
Phải thu ngắn hạn khác	(iii)	249.849.316	864.850.380
Phải thu dài hạn khác	(iii)	8.545.424.692	8.156.383.720
Tài sản dài hạn khác	(iv)	10.000.000.000	10.000.000.000
		388.026.466.620	389.704.858.181

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu từ hoạt động tư vấn đầu tư và quản lý quỹ, phải thu lãi từ tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ các quỹ thuộc quản lý của Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

Không có khoản phải thu nào bị quá hạn hoặc bị tổn thất tại các ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(iv) Tài sản dài hạn khác

Các tài sản dài hạn khác là quyền chuyển nhượng nhận từ VFMVF2 theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 13. Rủi ro tín dụng được coi là tối đa do Ban Giám đốc đánh giá rằng tài sản này có thể không thu hồi được.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	4.887.482.265	4.887.482.265	4.887.482.265
Chi phí phải trả	23.832.003.765	23.832.003.765	23.832.003.765
Phải trả ngắn hạn khác	6.647.153.608	6.647.153.608	6.647.153.608
	35.366.639.638	35.366.639.638	35.366.639.638
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	19.011.197.845	19.011.197.845	19.011.197.845
Chi phí phải trả ngắn hạn	21.056.508.762	21.056.508.762	21.056.508.762
Phải trả ngắn hạn khác	6.216.302.375	6.216.302.375	6.216.302.375
	46.284.008.982	46.284.008.982	46.284.008.982

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	11.010.616.229	8.503.566.906
Các khoản tương đương tiền	260.000.000.000	250.000.000.000
	271.010.616.229	258.503.566.906

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Công ty có các khoản tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2025	31/12/2024
	VND	VND
Bằng USD		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.805.287.953	2.689.926.831
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	71.010.410.316	84.188.504.298
	72.815.698.269	86.878.431.129

Nếu USD mạnh lên hoặc yếu đi 3% so với VND (31/12/2024: 5%) với tất cả các yếu tố khác không đổi thì mức tăng hoặc giảm tương ứng của lợi nhuận sau thuế sẽ là 1.747.576.758 VND (31/12/2024: 3.475.137.245 VND).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iii) Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ.

Công ty đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và không niêm yết. Giá trị của các cổ phiếu này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá cổ phiếu bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, giá thị trường của chứng chỉ quỹ niêm yết do Công ty nắm giữ là 235.429.500.000 VND (31/12/2024: 234.836.000.000 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng 9% tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (31/12/2024: 12%) trong khi tất cả các yếu tố khác không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng 1.335.842.760 VND (31/12/2024: 42.642.760 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm 9% tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (31/12/2024: 12%) trong khi tất cả các yếu tố khác không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm 7.244.604.000 VND (31/12/2024: 9.814.656.000 VND).

Rủi ro giá cổ phiếu đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết của Công ty chủ yếu liên quan đến chứng chỉ quỹ chưa niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết tại Việt Nam. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng các phương pháp thích hợp có tính đến nhiều yếu tố, điều đó có nghĩa là các khoản đầu tư chưa niêm yết này cũng chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2025		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
▪ Chứng chỉ quỹ	442.049.967.498	488.231.370.405	443.666.467.498	467.002.270.529
▪ Cổ phiếu chưa niêm yết	9.925.454.663	(*)	9.925.454.663	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	271.067.118.900	271.067.118.900	258.593.484.498	258.593.484.498
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	98.220.576.383	98.220.576.383	112.180.057.175	112.180.057.175
▪ Phải thu ngắn hạn khác	249.849.316	249.849.316	864.850.380	864.850.380
▪ Phải thu dài hạn khác	8.545.424.692	8.545.424.692	8.156.383.720	8.156.383.720
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	(4.887.482.265)	(4.887.482.265)	(19.011.197.845)	(19.011.197.845)
▪ Chi phí phải trả	(23.832.003.765)	(23.832.003.765)	(21.056.508.762)	(21.056.508.762)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(6.647.153.608)	(6.647.153.608)	(6.216.302.375)	(6.216.302.375)

(*) Đối với cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Chứng khoán kinh doanh

Đối với chứng khoán niêm yết (bao gồm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm đã niêm yết), giá trị hợp lý là giá đóng cửa vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với chứng chỉ quỹ mở, giá trị hợp lý là giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quỹ công bố.

Các công cụ tài chính khác

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	2.614.294.924	-

33. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 so với ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hay báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

34. Các yếu tố theo mùa vụ hoặc chu kỳ

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ hoặc chu kỳ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

35. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty ngày 16 tháng 4 năm 2025, trong cuộc họp ngày 29 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua quyết định chia cổ tức đợt 1 năm 2024 với số tiền là 131.044.800.600 VND (4.200 VND/cổ phiếu). Số tiền cổ tức phải trả chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Nguyễn Ngọc Hiệp
Kế toán trưởng



Ông Beal Schurch
Tổng Giám đốc